

Trung tâm Phật giáo xứ Đông qua nghiên cứu trường hợp chùa Quỳnh Lâm

Ngô Quốc Đông^(*)

Tóm tắt: Bài viết sử dụng cách tiếp cận liên ngành sử học, khảo cổ học và tôn giáo học, kết hợp khung phân tích lịch đại để phục dựng diện mạo lịch sử và chức năng tôn giáo của chùa Quỳnh Lâm - một trung tâm Phật giáo xứ Đông. Nội dung bài viết nhấn mạnh tới yếu tố địa chính trị - văn hóa của vùng Đông Triều với ba yếu tố nổi bật là quê hương nhà Trần, di tích và tôn giáo đã biến nơi đây thành một nơi hội tụ tri thức, vương quyền và tăng tài; đồng thời khảo cứu tới đa các ghi chép liên quan đến chùa Quỳnh Lâm. Mặc dù thiếu vắng trong chính sử, nhưng qua các tư liệu địa chí, văn bia và sách Hán Nôm, chùa Quỳnh Lâm lại hiện lên như một biểu tượng thiêng liêng, gắn liền với các yếu tố tâm linh, quyền lực và tài trợ tôn giáo.

Từ khóa: Chùa Quỳnh Lâm, Đông Triều, Phật giáo xứ Đông, Lý - Trần, Di sản Phật giáo

Abstract: The article employs an interdisciplinary approach of history, archaeology, and religious studies, combining a diachronic analytical framework to reconstruct the historical appearance and religious function of Quỳnh Lâm Pagoda - a center of Buddhism in the Eastern Region. The geopolitical and cultural factors of the Đông Triều area are emphasized through three key factors, namely, the homeland of Tran dynasty, relics, and religion, which have transformed this place into a convergence of knowledge, royal power, and monastic wealth. At the same time, the article extensively examines records related to Quỳnh Lâm Pagoda through various sources. Although absent in official historical records, Quỳnh Lâm Pagoda emerges as a sacred symbol through local chronicles, inscriptions, and Sino-Vietnamese texts, closely associated with spiritual elements, power, and religious patronage.

Keywords: Quynh Lam Pagoda, Dong Trieu, Buddhism of the Eastern Region, Ly - Tran Dynasties, Buddhist Heritage

Ngày nhận bài: 19/6/2025; Ngày duyệt đăng: 15/10/2025

1. Mở đầu

Tìm đọc quá khứ về chùa Quỳnh Lâm - trung tâm Phật giáo xứ Đông, có thể thấy không có nhiều chuyên khảo riêng

biệt trong chính sử và văn học Phật giáo. Các thông tin về chùa chủ yếu nằm rải rác trong các bộ sử, văn bia, địa chí và tài liệu khảo cổ. Việc tái dựng vai trò, diện mạo và ý nghĩa của chùa Quỳnh Lâm, do đó, đòi hỏi một cách tiếp cận liên ngành, kết hợp giữa sử học, tôn giáo học, văn hóa học và khảo cổ học. Một trong những đặc điểm

^(*) TS., Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: ngoquocdongkt@gmail.com

đáng chú ý là dù chùa Quỳnh Lâm được xem là “đệ nhất danh lam” của xứ Đông, nhưng các sử liệu chính thống như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Nam nhất thống chí*... lại không dành cho di tích này một chuyên khảo độc lập hay hệ thống tư liệu liên tục. Thông tin về chùa chỉ xuất hiện rải rác, gián tiếp, chủ yếu trong các nội dung liên quan đến các nhân vật nổi tiếng như Trần Quang Triều, Trương Hán Siêu hay sự kiện trùng tu thời Lê - Trịnh...

Việc các vua Trần và các thiền sư lớn như Pháp Loa, Huyền Quang từng giảng pháp hoặc ngự đến cho thấy chùa không chỉ là nơi tu hành, mà còn là không gian chính trị - tôn giáo mang tính biểu tượng cao. Đặc biệt, giới quý tộc Trần có vai trò lớn trong việc tài trợ, hiến ruộng đất, nhân công và tài chính cho chùa. Đây là bằng chứng tiêu biểu cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa Phật giáo và dòng họ cầm quyền, trong việc củng cố tính hợp pháp đạo đức và tâm linh của vương quyền. Điều này góp phần khẳng định tầm vóc quốc gia của chùa Quỳnh Lâm, có ảnh hưởng và lan tỏa vượt xa phạm vi địa phương. Qua các sự kiện dù không liên tục, vẫn có thể khẳng định vị trí của chùa Quỳnh Lâm trong hệ thống trung tâm Phật giáo thời Lý - Trần. Và ngày nay, Phật giáo tại chùa Quỳnh Lâm vẫn đang tiếp tục đóng góp vào dòng chảy di sản tôn giáo đồng hành cùng dân tộc.

2. Đông Triều - một trung tâm văn hóa, tôn giáo xứ Đông

Hải Dương trước đây là trung tâm của xứ Đông. Thời phong kiến, xứ Đông được hiểu là vùng phía Đông của kinh thành Thăng Long. Hải Dương là một trong tứ trấn quan trọng thời Lê, Nguyễn cùng với các xứ khác là xứ Kinh Bắc (phía Bắc), xứ Sơn Tây (phía Tây) và xứ Sơn Nam (phía Nam). Hải Dương thuộc phía Đông nên cũng gọi là Hải Đông hoặc xứ Đông. Theo

Đại Nam nhất thống chí, tên Đông Triều có từ trước thời Trần. Thời nhà Minh đô hộ, Đông Triều thuộc phủ Tân An. Sang thời Lê Thánh Tông, huyện Đông Triều thuộc phủ Kinh Môn của Hải Dương. Thời Lê, Nguyễn vẫn giữ nguyên hành chính như vậy (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2009: 46).

Đông Triều - quê hương của nhà Trần

Sử liệu năm 1811 ghi: “Tiên tổ nhà Trần gốc ở tỉnh Mân (tức Phúc-Kiến) và tỉnh Chiết-giang bên Trung-quốc di cư sang, lập gia cư tại xã An-Sinh huyện Đông-Triều, đời đời lấy việc đánh cá làm nghề nghiệp, mãi đến đời Trần-Cảnh mới di cư vào làng Tức-Mặc huyện Mỹ-Lộc phủ Thiên-Trường, rồi truyền 4 đời nữa đến Trần-Kinh thì nhận được nước do nhà Lý nhường ngôi, tức là Trần Thái-Tôn. Lãng tầm các vua nhà Trần đều ở xã An-Sinh, nay có sắc chỉ ban cho dân đó phụng thờ như cũ (Xét trong *An-Sinh Thần-đạo bi-lâm* chép: Đời trước nhà Trần là người xã An-Sinh huyện Đông-Triều” (Soạn giả Trần Đạm Trai, 1811: 44).

Tuy nhiên, cho đến nay, chỉ có hai di tích được xác định cụ thể là đền An Sinh và đền Thái liên quan mật thiết đến quê hương nhà Trần. Đền Thái chính là Thái miếu được xây dựng bởi gia đình Trần. Bia Thần đạo ở An Sinh chép rằng: “Tiên tổ nhà Trần vốn là người Yên Sinh (hay An Sinh, vì chữ 安 có hai cách đọc là An và Yên), huyện Đông Triều, sau dời đến ở hương Tức Mặc phủ Thiên Trường” (Nguyễn Văn Anh, Kiều Đình Sơn, 2018: 38). Sách *Trần thị gia huấn*, được viết vào năm Thành Thái thứ 9 (1907) hiện lưu giữ tại đền Cổ Trạch (Tức Mặc - Nam Định) ghi rõ hơn: “Nhà Trần ban đầu tới núi Yên Tử chiếm địa thế núi, dựng ngôi chùa nhỏ thờ Phật, một vùng sau núi sau này có thể làm nơi của họ hàng ăn ở yên vui, nay là xã An Sinh, huyện Đông

Triều, tỉnh Hải Dương¹ có miếu nhà Trần ở đó... Một ngày kia đến khu vực khang kiện vùng Tức Mặc, Thiên Trường², nay có miếu thờ tự nhà Trần ở đó...” (Nguyễn Văn Anh, Kiều Đình Sơn, 2018: 38).

“Xét về quê hương của họ Trần có 3 nơi: thứ nhất, Dương trạch ở xã An Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương, thứ hai Dương trạch ở xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, thứ ba Âm phần³ ở xã Thái Đường, huyện Hưng Nhân nay thuộc tỉnh Thái Bình⁴” (Nguyễn Văn Anh, Kiều Đình Sơn, 2018: 38).

Sự lựa chọn của họ Trần đối với An Sinh không chỉ thể hiện rằng đây là quê gốc (dương trạch) của họ, mà còn chứng tỏ rằng vùng đất này đã trở thành nơi quan trọng trong việc xây dựng lăng tẩm và đền miếu (âm trạch) cho triều đại nhà Trần. Điều này thể hiện sự tôn trọng và quan tâm của họ Trần đối với An Sinh và vị trí quan trọng của nó đối với sự thịnh suy của dòng họ và triều đại Trần (Nguyễn Văn Anh, Kiều Đình Sơn, 2018: 38).

Kết quả các cuộc khai quật khảo cổ của Viện Khảo cổ học năm 2009-2010 cho thấy, khu An Sinh - Đông Triều đã từng là nơi xây cất đền miếu của các vua quan đời Trần. Đền Thái Miếu, thường được gọi là đền Thái, được xây dựng trên một quả đồi thấp tại thôn Trại Lốc, xã An Sinh, cách đền An

Sinh khoảng 3 km. Đền Thái Miếu ban đầu được An Sinh vương Trần Liễu xây dựng sau khi ông được cấp đất thang mộc tại An Sinh. Đền An Sinh ngày nay dưới thời Lê Trung hưng cũng được gọi là điện An Sinh. Đây là nơi thờ 5 vị vua nhà Trần gồm: Trần Anh Tông, Trần Minh Tông, Trần Dụ Tông, Trần Nghệ Tông và Khâm Minh Thánh vũ Hiến đạo An Sinh hoàng đế (Nguyễn Văn Anh, Kiều Đình Sơn, 2018: 39, 42).

Đông Triều - một trung tâm sinh hoạt văn thơ thời Trần

Các nghiên cứu trước đây (Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long, 2013; Nguyễn Huệ Chi, 2000a, 2000b) và kết quả các cuộc khai quật khảo cổ những năm 2008-2010 của Viện Khảo cổ học đã cho thấy dấu tích của am Bích Động. Am Bích Động, được xây dựng bởi Trần Quang Triều, cũng là nơi mà Bích Động thi xã hoạt động. Đây là hội thơ lớn và có lịch sử lâu đời nhất trong văn hóa thơ ca của Việt Nam. Bích Động thi xã có vai trò quan trọng trong việc phát triển và bảo tồn nền thi ca của thời Trần. Căn cứ trên các dữ liệu khảo cổ, giả thuyết hiện nay cho rằng chùa Sinh được xây dựng trên vị trí am Bích Động của Trần Quang Triều xưa. Sau những biến đổi của thời gian và xã hội, am Bích Động dần bị mai một và quên lãng, trên nền dấu tích cũ, người ta cho dựng chùa để thờ cúng⁵.

Đông Triều - trung tâm Phật giáo thời Lý - Trần

Chùa Ngọa Vân tọa lạc ở xã An Sinh và Bình Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh⁶, là một quần thể chùa bao gồm 15 cụm chùa và tháp trong 4 khu vực khác nhau,

¹ Nay là phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh.

² Nay là xã Mỹ Lộc và phường Hưng Lộc, tỉnh Ninh Bình.

³ Lựa chọn vị trí để xây dựng kinh đô (Dương trạch) và xây cất lăng tẩm, đền miếu (Âm trạch) được coi là hai việc quan trọng bậc nhất, quyết định đến sự tồn vong của triều đại, sự hưng thịnh và lâu bền của xã tắc. Nhà Trần cũng rất đề cao công việc này. Ngay sau khi tiếp nhận ngôi báu từ tay nhà Lý, nhà Trần tiếp tục chọn Thăng Long là kinh đô, kế thừa toàn bộ thành quách, cung điện của nhà Lý trước đó; cho xây dựng hành cung tại Tức Mặc, nơi phát tích của nhà Trần.

⁴ Nay là xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên.

⁵ Ý kiến của TS. Nguyễn Văn Anh, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, là người đã tham gia khai quật nhiều di tích nhà Trần ở huyện Đông Triều.

⁶ Nay là các phường An Sinh và Bình Khê thuộc tỉnh Quảng Ninh.

trong đó chùa Ngọa Vân nằm ở vị trí trung tâm. Đây là nơi tổ thứ nhất của Thiền phái Trúc Lâm - Trần Nhân Tông, và là nơi nhiều cao tăng thời Trần và thời Lê Trung hưng từng tu hành và viên tịch. Chùa Ngọa Vân ở tỉnh Quảng Ninh được xây dựng trong thời kỳ Trần, được cải tạo và hoàn thiện kiến trúc vào thời Hậu Lê. Trần Nhân Tông, một vị Phật hoàng, tu hành đắc đạo, đã làm cho ngôi chùa trở thành một trong những thánh địa quan trọng của Phật giáo Trúc Lâm.

Chùa Ngọc Thanh, thường được gọi là Linh Khánh tự, nằm trên dãy núi Đạm, còn được gọi là núi Đạm Thủy, thuộc thôn Đạm Thủy, xã Thủy An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh¹. Nơi này không chỉ nổi tiếng từ lâu, mà còn là lăng mộ của hai vị vua Trần Duệ Tông và Trần Thuận Tông, tạo thành một quần thể bao gồm chùa, tháp, đạo quán và lăng miếu.

Chùa Hoa Yên nằm trên ngọn núi Đầu Voi, đỉnh cao nhất của dãy núi Yên, thuộc vòng cung núi Đông Triều, được coi là nơi rỗng rang và chùa được xây trên trán của con rồng. Ban đầu, chùa được gọi là Vân Yên tự, với ý nghĩa mây mờ, do thường bị che phủ bởi mây trắng mỏng ở độ cao 600 m. Thời Lê, vua Lê Thánh Tông thấy cảnh trí ở đây đẹp đến kỳ diệu, với trăm hoa nở rộ, mây biến thành hoa, nên đổi tên thành chùa Hoa Yên (Hoa Yên tự). Chùa còn được gọi là chùa Cả hoặc chùa Yên Tử. Chùa Hoa Yên từng là ngôi chùa chính của hệ thống quần thể chùa Yên Tử và xuất hiện trong nhiều tài liệu.

Ngoài ra, trên núi Yên Tử có gần 100 ngọn tháp và mộ được xây dựng bằng gạch, xi măng và đá, trong đó tháp Huệ Quang nằm ở vị trí trung tâm và là nơi thờ xá lợi của đức Điều Ngự Giác Hoàng, là Trúc Lâm Đề Nhất Tổ. Tháp Huệ Quang được

bao quanh bởi tường xây bằng gạch và được bảo vệ bằng mái ngói mũi hài thời Trần. Sự tồn tại của gần 100 ngọn tháp này là bằng chứng cho đội ngũ đông đảo các nhà sư tu hành tại trung tâm Phật giáo này. Vườn tháp Huệ Quang trên núi Yên Tử là một ví dụ hiếm hoi về sự tập hợp của những công trình tháp tại một địa điểm duy nhất trên toàn quốc.

3. Chùa Quỳnh Lâm qua một số sử liệu

Chùa Quỳnh Lâm là một di tích có tiếng như vậy, nhưng điều đặc biệt là trong *Đại Việt sử ký toàn thư* hầu như có rất ít thông tin về ngôi chùa này. Duy nhất có một chi tiết mà hầu hết mọi người không để ý là: “khoảng thời Trần Minh Tông, chùa Quỳnh Lâm từng có một vị ‘Giám tự’ nổi tiếng ‘bài Phật’: Trương Hán Siêu, một nhà Nho nhiều uy tín” (Nguyễn Huệ Chi, 2000a: 39). Đây là thông tin hiếm hoi duy nhất mà bộ chính sử thời phong kiến đề cập về chùa Quỳnh Lâm. Năm 1736: “mùa xuân tháng Giêng làm ba chùa Quỳnh Lâm, Hồ Thiên, Hương Hải, lấy dân các huyện Hiệp Sơn, Thủy Đường, Kim Thành, Đông Triều, Thanh Hà phục dịch” (Dẫn theo: Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long, 2013: 40).

Các thông tin từ *Tam Tổ thực lục*² cũng cho biết: Trần Quang Triều không chỉ có mối liên kết sâu sắc với chùa Quỳnh Lâm thông qua hoạt động của Bích Động thi xã, mà ông và vợ là công chúa Thượng Trân còn tặng một phần lớn tài sản cho chùa

¹ Nay là phường Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

² *Tam Tổ thực lục* là tập sách chép tiểu sử ba vị tổ sư thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đời Trần. Đó là truyện về đức Điều Ngự Phật Hoàng Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang. Sách do thiền sư Tính Quảng và sa di Hải Lượng dựa vào các tư liệu có từ đời Trần đến giai đoạn sau soạn thành và được khắc bản vào năm Cảnh Hưng thứ 26 (1765), ván in lưu tại chùa Lân trên núi Yên Tử. Hơn 100 năm sau, sách được chùa Pháp Vũ ở tỉnh Hải Dương cho in lại.

Quỳnh Lâm. Theo sách *Tam Tổ thực lục*, vào tháng Chạp năm 1317, khi bắt đầu công việc tái xây dựng chùa Quỳnh, Văn Huệ Vương Trần Quang Triều đã làm thí chủ và cúng 4.000 quan tiền. Bia của chùa Quỳnh Lâm ghi lại con số này lên tới 40 vạn quan. Sau đó, vào tháng Chạp năm 1324, sách *Tam Tổ thực lục* cũng ghi chép thêm rằng ông đã tặng thêm 300 mẫu ruộng tại huyện Gia Lâm và số lượng ruộng tại hai địa điểm khác là Động Gia và An Lưu, tổng cộng hơn 1.000 mẫu ruộng, cùng với hơn 1.000 nô tì, tạo thành một phần tài sản lâu dài dành cho chùa Quỳnh Lâm. Sự tài trợ tài sản này cho chùa, đối với một vương hầu, là một con số đáng kể (Nguyễn Huệ Chi, 2000b: 25).

Trong bộ *Đại Nam nhất thống chí*¹, ở tập nói về tỉnh Hải Dương có ghi chép về chùa Quỳnh Lâm như sau: “Ở nơi gò bằng dưới núi Quỳnh Lâm, xã Hà Lôi, huyện Đông Triều, do thiền sư Nguyễn Minh Không triều Lý dựng lên và đúc tượng đồng để trong chùa (tượng này là một cái bảo khí trong bốn bảo khí ở An Nam) vua Trần Thái Tông và Trần Nhân Tông thường ngự đến, vị sư tăng Pháp Loa và

Huyền Quang cũng chủ trì ở đây, có viện Quỳnh Lâm và am Bích Động. Đây là thắng cảnh linh tích đứng đầu các chùa ở tỉnh Hải Dương. Hồi đầu đời Vĩnh Khánh nhà Lê có sửa chữa lại lấy dân các huyện Chí Linh, Đông Triều và Thủy Đường phục dịch việc ấy. Hồi đầu đời Vĩnh Hựu lại bắt dân các huyện Hiệp Sơn, Thủy Đường, Đông Triều, Kim Thành và Hà Thanh hợp lại để tu sửa” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1968: 94).

Trong *Hải Dương tỉnh dư địa chí* (tài liệu Hán Nôm ký hiệu A 1940) có ghi: “Chùa Quỳnh Lâm nằm ở xã Hà Lôi, được kiến lập từ đời Trần, là danh lam đệ nhất. Nơi đây còn tượng của các vị Nhân Tông, Huyền Quang, Trạng nguyên Không Lộ. Thế núi bằng phẳng gọi là núi Chúc Long. Trên núi có chùa cổ có chuông đồng, khánh đá. Đây là nơi do Nguyễn Minh Không triều Lý dựng lên. Vừa là thắng cảnh, vừa là di tích linh thiêng, cũng là danh thắng lớn của tỉnh Hải Dương. Năm thứ nhất thời Lê Vĩnh Khánh (1729) cho trùng tu. Năm Vĩnh Hựu (1735-1740), lại cho tu sửa, lần này làm xong thì vô cùng trang nghiêm, diễm lệ. Triều Nguyễn có Thám hoa Nguyễn Lãng nhận lệnh đi cầu di thư, khi đi qua đây đã cho thơ” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2009: 456).

Trong *Đông Triều huyện chí* (tài liệu Hán Nôm ký hiệu A 1942) cho biết chùa Quỳnh Lâm được liệt vào chùa cổ: “Chùa ở xã Hà Lôi, tổng Mễ Sơn. Vua Trần Nhân Tông chuộng đạo Phật cho rằng chùa Quỳnh Lâm là danh lam đệ nhất trời Nam, bền vững chùa ở đó. Chùa có ba gian, gian giữa làm chính điện, trước làm tiền điện, sau là hậu điện. Cửa võng rực rỡ, tòa sen xán lạn, tượng pháp nghiêm trang, gọi là Quỳnh Lâm Phật tự, một trong tứ quý của nước Nam. Đời Vĩnh Lạc nhà Minh (1407-1413), điện vũ bị phá hỏng chưa có ai tu

¹ Bộ *Đại Nam nhất thống chí* được khởi công soạn từ thời Tự Đức, năm thứ 18 (1865) và đến năm 1882 mới xong bản thảo. Việc biên soạn do Quốc sử quán triều Nguyễn phụ trách. Đây là bộ địa chí cấp quốc gia, ghi chép lại địa lý, nhân vật, cảnh vật, thổ nhưỡng, khí hậu, sông ngòi, thực vật... của các tỉnh trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Tuy nhiên, sau khi xong bản thảo, do tình thế chiến tranh, một số nội dung đã bị mất, thất lạc, chưa kịp in ấn đầy đủ. Vào năm Duy Tân thứ 3 (1909), Học bộ Thượng Thư, kiêm Tổng tài Quốc sử quán là cụ Cao Xuân Dục mới cho soạn lại 13 tỉnh miền Trung đem ra xuất bản. Ngoài ra đã xuất bản được địa chí của 6 tỉnh miền Nam Kỳ. Riêng các tỉnh miền Bắc thì chỉ ở dạng bản thảo, chưa kịp xuất bản. Sau này, Nhà Văn hóa Bộ Giáo dục Thanh Niên đã sưu tầm các bản thảo viết về một số tỉnh miền Bắc ở Viện Viễn Đông Bác cổ và đem xuất bản vào những năm cuối của thập niên 60 thế kỷ trước (NQĐ).

sửa lại. Đến thời Trịnh Dụ tổ Thuận Vương (?) vì có lòng mến Phật, bèn ra lệnh tu sửa lại chốn cũ, tô tượng đắp chuông. Quang cảnh lại rõ ràng đẹp mắt, so với ngày trước bội phần tươi mới. Vào đời Chiêu Thống (1787-1788), chùa gặp hỏa hoạn, chính điện và tiền điện đều bị thiêu cháy, chỉ còn hậu điện” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2009: 466).

Trong *Dur địa các tỉnh Bắc Kỳ*, soạn những năm 20 của thế kỷ XX cho biết về chùa Quỳnh Lâm qua tên Chùa làng Hà Lôi: “ở Đông Triều đi ra làng Hà Lôi có cảnh chùa rất có tiếng về đời nhà Trần. Chùa này là do ông Nguyễn Minh Không về đời nhà Lý làm ở dưới chân núi Quỳnh Lâm. Trong chùa tượng đúc tinh bằng đồng cả. Thật là một cảnh chùa đẹp có tiếng ở nước ta. Vua Trần Thái Tông và Trần Nhân Tông trước có đến thăm chùa ấy” (Ngô Vi Liên, Đỗ Đình Nghiệm, Phạm Văn Thư, 1930: 39).

Mặt bằng kiến trúc rõ nhất được hiểu biết về chùa Quỳnh Lâm hiện nay theo các khai quật là thời Lê Trung hưng, thế kỷ XVII-XVIII. Cụ thể: “có hai lớp kiến trúc thời Lê Trung hưng đã được làm xuất lộ, lớp kiến trúc thứ nhất được xác định là dấu vết kiến trúc do Thiền sư Chân Nguyên xây dựng vào cuối thế kỷ XVII; lớp kiến trúc thứ hai phủ lên trên các vết tích kiến trúc thời Trần đó là lớp kiến trúc thời Lý” (Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí, Nguyễn Văn Anh, 2014).

Mặt bằng tổng thể kiến trúc và cảnh quan thời Lê Trung hưng bao gồm hồ nước, khu vườn tháp, tam quan và khu trung tâm (gồm: Tiền đường, Trung đường và Hậu đường).

Ngoài những sử liệu quan trọng trên, từ hai thập niên trở lại đây chùa Quỳnh Lâm cũng được đề cập trong một số nghiên cứu của Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long (2013: 158), Nguyễn Văn Anh

(2016: 38-44), Nguyễn Hiền Đức (2006: 313-315),...

4. Một số đặc điểm tôn giáo rút ra qua các sử liệu về chùa Quỳnh Lâm

Chùa Quỳnh Lâm là một điểm nhấn tiêu biểu trong cấu trúc không gian tôn giáo - chính trị thời Lý - Trần ở xứ Đông. Ngày nay, việc tìm ra một số đặc điểm tiêu biểu tại trung tâm Phật giáo Quỳnh Lâm trong thời kỳ Lý - Trần gặp khó khăn vì ít tài liệu gốc hay chính sử. Hầu hết tài liệu, hiện vật đã hư hại, mai một và gián đoạn bởi thời gian và chiến tranh.

Qua các tài liệu cổ và văn bia, có thể thấy một điểm xuyên suốt là: chùa Quỳnh Lâm luôn duy trì bản sắc đặc biệt bằng việc tôn thờ Di Lặc là Phật chủ. Các thông tin về thờ Di Lặc tại Quỳnh Lâm được ghi chép nhiều trong *Tam Tổ thực lục*. Vào tháng 12 năm 1324, “Huệ Quốc mẫu mời sư (Pháp Loa) về cung Dưỡng Phúc..., đồng thời khởi tạo mô hình pho tượng Phật Di Lặc cao một trượng sáu. Trước đó, Tư Đồ Văn Huệ Vương và cung phi của vua, cùng Thượng Trân công chúa chung nhau cúng 900 lượng vàng để sư đúc tượng này” (Thích Phước Sơn dịch và chú giải, 1995: 29).

Chùa Quỳnh Lâm dưới thời Pháp Loa là một trung tâm lớn của Phật giáo Đại Việt “Tháng 3 năm Đinh Mão (1327), Pháp Loa đúc đại tượng Di Lặc và Thánh Tăng tại viện Quỳnh Lâm” (Thích Phước Sơn dịch và chú giải, 1995: 30). Đến tháng 3 năm Mậu Thìn, niên hiệu Khai Thái thứ 5 (1328), “Bảo Từ Hoàng Thái hậu và Bảo Huệ Quốc mẫu mời Pháp Loa về chùa Quỳnh Lâm, tập hợp chư Tăng mười phương, thiết lễ Đại trai đàn chuyển Tạng mười ngày đêm, cung tiến Thượng hoàng Anh Tông và Quốc Khảo Hưng Nhượng đại vương. Nhân lúc Thái Thượng hoàng đến chùa, Pháp Loa tâu xin cấm quân rước đại tượng Di Lặc lên nền điện, rồi

đưa lên bảo tòa thiếp vàng” (Thích Phước Sơn dịch và chú giải, 1995: 30). Sau đó, tháng 11 năm 1329, chùa Quỳnh Lâm đã tổ chức lễ điểm nhãn tượng Phật quy mô lớn và lấy một phần của Xá lợi của Điều Ngự (Phật hoàng Trần Nhân Tông) tại tháp Thắng Tư Thiên đem cất vào tháp đá tại viện Quỳnh Lâm.

Việc dựng tượng Di Lặc tại chùa Quỳnh Lâm không chỉ dừng ở khía cạnh tâm linh hay nghệ thuật, mà còn liên quan đến yếu tố quản lý tài sản tôn giáo, huy động phúc lợi xã hội. Sự kiện huy động hàng trăm lượng vàng, ruộng đất từ nhiều tầng lớp (quý tộc, công chúa, cư sĩ...) cho thấy Phật giáo thời Trần được lòng cả triều đình lẫn dân chúng. Tượng Di Lặc là một biểu tượng vật thể của chính sách “Phật giáo hóa đạo đức xã hội”.

Qua những ghi chép trong *Tam Tổ thực lục*, có thể thấy yếu tố Di Lặc tại chùa Quỳnh Lâm không chỉ mang giá trị tôn giáo mà còn thể hiện rõ nét tư tưởng Phật giáo nhập thế, hòa dân tộc, an quốc gia, đồng thời thể hiện khả năng thích nghi và sáng tạo bản địa của Phật giáo Việt Nam.

Dưới thời Lê Trung hưng, chúa Trịnh Giang khi cho trùng tu chùa Quỳnh Lâm đã cho đúc lại tượng Di Lặc lớn để thờ trong Di Lặc điện. Ngoài ra, các vết tích khảo cổ đã cho thấy có sự xuất hiện của ba điện chính tại chùa Quỳnh Lâm, bao gồm Thích Ca Phật điện, Di Lặc Phật điện và Di Đà Phật điện, trong đó Di Lặc Phật điện nằm ở trung tâm. Khảo cổ học đã xác nhận rằng, Di Lặc Phật điện không chỉ nằm ở vị trí trung tâm mà còn có cấu trúc nền cao hơn so với các Phật điện khác (Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí, Nguyễn Văn Anh, 2014). Điều này chứng tỏ Di Lặc Phật điện không chỉ là trung tâm mà còn là Phật điện quan trọng nhất trong cấu trúc Phật điện của chùa Quỳnh Lâm. Từ đó, có

thể khẳng định Di Lặc là vị Phật chủ của chùa Quỳnh Lâm.

Các chứng tích về việc thờ Phật Di Lặc tại chùa Quỳnh Lâm với ba lần đúc tượng lớn dưới các triều đại khác nhau, cùng việc Di Lặc Phật điện nằm ở vị trí trung tâm, đã cho thấy vị thế đặc biệt của vị Phật này trong hệ thống biểu tượng tại đây.

Tam giáo cũng đã được hội nhập, dung thông tại đây. Ngoài ra, có cả yếu tố Mật giáo thời Lý qua truyền thuyết về pháp sư Nguyễn Minh Không. Từ điều này có thể suy đoán rằng tuy Thiền Trúc Lâm là chủ đạo nhưng Phật giáo Quỳnh Lâm đã đạt tới sự dung hợp, hài hòa với các thiết chế bên ngoài nó và mang tính đại chúng cao. Sự hiện diện của yếu tố Thiền, Mật, Tịnh và cả tinh thần Tam giáo dung hòa cho thấy một mô hình Phật giáo mở, giàu tính bản địa hóa và thích ứng cao với đời sống cư dân.

Có thể thấy, chùa Quỳnh Lâm không chỉ là nơi thờ tự mà còn là trung tâm truyền bá Phật học và đào tạo tăng tài. Các ghi chép về cầu siêu, sự hiện diện của các Tổ Trúc Lâm như Pháp Loa và cả hoạt động văn chương gắn với Bích Động thi xã đều phản ánh chức năng học thuật hóa Phật giáo của ngôi chùa này - một nét đặc trưng của mô hình Phật giáo mang tính học viện trong lịch sử trung đại Việt Nam.

Căn cứ vào sử liệu và các đợt trùng tu lớn, có thể thấy chùa Quỳnh Lâm có vai trò thiết yếu và trung tâm trong đời sống tôn giáo của cư dân xứ Đông. Việc xây dựng và trùng tu chùa Quỳnh Lâm ở các thời kỳ đã có sự đóng góp không nhỏ của người dân nơi đây. Điều này cho thấy khi Nho giáo chú trọng đến các thiết chế chính trị triều đình, hay Đạo giáo đi vào dân gian thì Phật giáo vẫn có một vị trí lớn trong lòng dân tộc, đối với cả các vị vua, chúa lẫn cư dân trong vùng.

5. Kết luận

Chùa Quỳnh Lâm là một minh chứng đặc sắc cho quá trình hội tụ của các yếu tố chính trị, tôn giáo và văn hóa trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Từ một trung tâm thờ tự gắn với dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử, chùa Quỳnh Lâm dần hình thành một mô hình tổng hợp: vừa là chốn tổ linh thiêng, vừa là học viện Phật giáo, đồng thời cũng là biểu tượng quyền lực tâm linh của vương triều Trần.

Qua các lần tái thiết và sự bảo hộ của chính quyền phong kiến, chức sắc, cũng như dân chúng địa phương, chùa Quỳnh Lâm không chỉ là một kiến trúc tôn giáo mà còn là biểu tượng văn hóa của xứ Đông. Việc thờ Di Lặc như Phật chủ, tinh thần dung hòa tôn giáo và vai trò đào tạo tăng tài cho thấy một Phật giáo vừa có tinh thần nhập thế, vừa mang tính dân tộc cao.

Việc phục dựng và bảo tồn di tích chùa Quỳnh Lâm ngày nay là cơ hội để tiếp tục kết nối truyền thống Phật giáo với phát triển văn hóa, du lịch bền vững của địa phương. Trong bối cảnh đương đại, di sản chùa Quỳnh Lâm không chỉ có giá trị tôn giáo, lịch sử, mà còn là nền tảng quan trọng cho giáo dục đạo đức, ý thức lịch sử và lòng tự hào dân tộc trong tiến trình hội nhập và toàn cầu hóa văn hóa □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Anh (2016), “Quỳnh Lâm - Trung tâm Phật giáo Đại Việt thế kỷ XI-XVIII”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số tháng 05, tr. 15-22.
2. Nguyễn Văn Anh, Kiều Đình Sơn (2018), “Hệ thống đền miếu nhà Trần tại Đông Triều, Quảng Ninh”, *Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam*, số tháng 11, tr. 38-41.
3. Nguyễn Huệ Chi (2000a), “Hiện tượng hội nhập văn hóa dưới thời Lý - Trần

nhìn từ một trung tâm Phật giáo tiêu biểu: Quỳnh Lâm”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, tr. 37-41.

4. Nguyễn Huệ Chi (2000b), “Hiện tượng hội nhập văn hóa dưới thời Lý - Trần nhìn từ một trung tâm Phật giáo tiêu biểu: Quỳnh Lâm”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr. 22-29.
5. Nguyễn Hiền Đức (2006), *Phật giáo Việt Nam thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Tập 1: Lịch sử Phật giáo Đàng Ngoài*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Ngô Vi Liên, Đỗ Đình Nghiêm, Phạm Văn Thư (1930), *Dur địa các tỉnh Bắc Kỳ*, in lần thứ 4 có sửa, Nhà in Lê Văn Tân, Hà Nội.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (1968), *Đại Nam nhất thống chí: Tỉnh Hải Dương (Thượng và Hạ)*, Đặng Chu Kinh dịch, Nha Văn hóa Bộ giáo dục và Thanh niên xuất bản, Sài Gòn.
8. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long (2013), *Chùa Việt Nam*, in lần thứ 5, có bổ sung sửa chữa, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
9. Thích Phước Sơn dịch và chú giải (1995), *Tam Tổ thực lục*, Viện Nghiên cứu Phật học ấn hành.
10. Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí, Nguyễn Văn Anh (2014), “Kiến trúc chùa Quỳnh Lâm qua tài liệu khảo cổ học”, Tham luận tại *Hội thảo “Khôi phục di tích chùa Quỳnh Lâm”*, ngày 12/04 tại huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
11. Soạn giả Trần Đạm Trai (1968), *Hải Dương phong vật chí (quyển thượng)*, Nguyễn Đình Diệm dịch, Nha Văn hóa Bộ Giáo dục Thanh niên xuất bản, Sài Gòn.
12. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2009), *Địa phương chí tỉnh Hải Dương qua tư liệu Hán Nôm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.